

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 24/01/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tăng

Ông: Đinh Ngọc Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST – TCDS ngày 04/6/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2018/QĐXXST- DS ngày 20/9/2018 của TAND huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty L

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông V V H – Phó giám đốc.

Địa chỉ: Thôn T, xã V N, huyện Q N, tỉnh Q B. Có mặt

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã T H

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông C V S – Chủ tịch UBND xã T H

Địa chỉ: Xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông C X Q

Địa chỉ: Thôn T P 2, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/3/2009, công ty L có ký hợp đồng xây dựng số 02/2009/HĐXD với Ủy ban nhân dân xã T H về việc thi công công trình: Quy hoạch chi tiết khu dân cư xã T H.

Công ty L đã thực hiện hoàn thành khối lượng xây dựng công trình và đưa vào sử dụng ngày 24/6/2009. Tổng giá trị theo hợp đồng là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Tổng giá trị thanh toán mà công ty L đã thi công hoàn thành là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Từ ngày khởi công cho đến thời điểm này công ty L chưa nhận được một đồng nào từ chủ đầu tư là UBND xã T H. Công trình đã được bàn giao 09 năm nay nhưng UBND xã T H vẫn không thanh toán theo điều khoản hợp đồng cho công ty L.

Vì vậy công ty L khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa để yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T H phải thanh toán hợp đồng xây dựng số 02/2009/HĐXD cho công ty L theo giá trị hợp đồng đã thực hiện và lãi phát sinh tính đến ngày 13/4/2018 là 695.670.531 đ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi một đồng). Trong đó tổng giá trị thi công hoàn thành là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và lãi suất theo ngân hàng của số tiền nói trên tính từ ngày 24/6/2009 đến ngày 13/4/2018 là 342.233.531 đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng).

Về phía bị đơn: Trong bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 11/7/2018 tại Tòa án người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông C V S – chủ tịch UBND xã T H trình bày như sau: Hợp đồng xây dựng ký giữa UBND xã T H với công ty L được thực hiện từ năm 2009, lúc đó đại diện UBND xã thực hiện là ông C X Q. Năm 2015 tôi được bầu làm chủ tịch UBND xã T H, lúc bàn giao thì chỉ được bàn giao lại hồ sơ, còn nguồn vốn ngân sách để thanh toán hợp đồng thì không được bàn giao lại nên không có nguồn để thanh toán cho công ty. Tôi có báo cáo lại Thường vụ và Đảng ủy xã nhưng nguồn ngân sách hàng năm của xã không có để trả cho công ty. UBND xã T H đã làm báo cáo trình UBND huyện M H. Nên mặc dù muốn thanh toán hợp đồng cho công ty nhưng lực bất tòng tâm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông C X Q trình bày: Năm 2009 UBND xã T H ký hợp đồng xây dựng với công ty L và giao hẹn là sau khi hoàn thiện xong công trình và đấu thầu xong thì UBND xã sẽ thanh toán hợp đồng, nhưng sau khi triển khai xong thì xã lại không được đấu thầu nữa mà UBND huyện M H đấu

thầu thì trách nhiệm thanh toán hợp đồng phải thuộc về huyện, xã không có nguồn để thanh toán.

Đại diện VKSND huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Tòa án: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Quan điểm giải quyết của VKSND huyện Minh Hóa: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là UBND xã T H phải thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng xây dựng và lãi phát sinh tính đến ngày 13/4/2018 là 695.670.531 đ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi một đồng). Trong đó tổng giá trị thi công hoàn thành là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và lãi suất theo ngân hàng của số tiền nói trên tính từ ngày 24/6/2009 đến ngày 13/4/2018 là 342.233.531 đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng) cho công ty L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ, căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã T H phải thanh toán hợp đồng xây dựng số 02/2009/HĐXD cho công ty L theo giá trị hợp đồng đã thực hiện và lãi phát sinh tính đến ngày 13/4/2018 là 695.670.531 đ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi một đồng). Trong đó tổng giá trị thi công hoàn thành là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và lãi suất theo ngân hàng của số tiền nói trên tính từ ngày 24/6/2009 đến ngày 13/4/2018 là 342.233.531 đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng).

Theo như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngày 11/3/2009, công ty L có ký hợp đồng xây dựng số 02/2009/HĐXD với Ủy ban nhân dân xã T H về việc thi công công trình: Quy hoạch chi tiết khu dân cư xã T H.

Công ty L đã thực hiện hoàn thành khối lượng xây dựng công trình và đưa vào sử dụng ngày 24/6/2009. Tổng giá trị theo hợp đồng là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Tổng giá trị thanh toán mà công ty L đã thi công hoàn thành là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định việc ký kết hợp đồng giữa công ty L và UBND xã T H là đúng thực tế. Công ty L đã hoàn thành khối lượng xây dựng công trình và đưa vào sử dụng ngày 24/6/2009 được thể hiện ở hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành và biên bản nghiệm thu lập ngày 24/6/2009 giữa công ty L và UBND xã T H. Việc UBND xã T H chưa thanh toán giá trị hợp đồng cho công ty L được thể hiện ở biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2014 giữa UBND xã T H và công ty L.

Về phía bị đơn: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông C V S – chủ tịch UBND xã T H cũng đã trình bày về việc ký kết hợp đồng xây dựng giữa UBND xã T H và công ty L và thể hiện thiện chí muốn thanh toán giá trị hợp đồng cho công ty nhưng vì nguồn ngân sách của xã không có nên chưa thể thanh toán cho công ty L.

Từ những nhận định nói trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty L có người đại diện theo sự ủy quyền là ông V V H đối với bị đơn UBND xã T H.

[3] Về án phí: UBND xã T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 158, điều 164, điều 166, điều 515, điều 519 Bộ Luật dân sự năm 2015

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty L, người đại diện theo uỷ quyền là ông V V H –Phó giám đốc.

2. Buộc bị đơn Ủy ban nhân dân xã T H phải thanh toán hợp đồng xây dựng số 02/2009/HĐXD cho công ty L theo giá trị hợp đồng đã thực hiện và lãi phát sinh tính đến ngày 13/4/2018 là 695.670.531 đ (Sáu trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi một đồng). Trong đó tổng giá trị thi công hoàn thành là 353.437.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và lãi suất theo ngân hàng của số tiền nói trên tính từ ngày 24/6/2009 đến ngày 13/4/2018 là 342.233.531 đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi một đồng).

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân xã T H phải chịu 34.783.527 đ (Ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng), do anh V V H nộp ngày 04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên lai số 0004019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/01/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Minh Hóa;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Lâm Xướng

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ